TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-PT.
Ngày: 15-01-2021.
V/v: "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Ông Võ Công Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:

Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 09/2020/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn".

Do bản án Hôn nhân & gia đình sơ thẩm số: 777/2020/HNGĐ-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Quang Y, sinh năm 1971, có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Hữu L, sinh năm 1971, có mặt.

Cùng trú tại: XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hồ Thị N, sinh năm 1929, có mặt.

2. Chị Phạm Lê Xuân T, sinh năm 1999, có mặt.

Cùng trú tại: XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 7 năm 2019; đơn khởi kiện bổ sung ngày 25 tháng 3 năm 2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn, chị Lê Thị Quang Y trình bày:

Chị và anh Phạm Hữu L là vợ chồng đã ly hôn. Theo nội dung của Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 595/QĐST-HNGĐ ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định thì anh, chị thuận tình ly hôn; chị được trực tiếp nuôi con chung Phạm Lê Xuân C sau ly hôn và tài sản chung không yêu cầu Tòa giải quyết. Sau khi ly hôn, giữa chị và anh L không thỏa thuận được với nhau về chia tài sản. Do đó, chị khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn do anh chị tạo lập được trong quá trình chung sống gồm:

- Nhà và đất tại theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH 00034 ngày 28/7/2010 thửa đất số 113, tờ bản đồ số 3, địa chỉ XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định diện tích 51,0m^2 đứng tên người sử dụng đất,chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên Phạm Hữu L, Lê Thị Quang Y (sau đây viết tắt là nhà, đất tại XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định); Chị yêu cầu chia đôi và được nhận để sở hữu, sử dụng có trách nhiệm thối lại 1/2 giá trị tài sản chênh lệch được nhận cho anh L theo giá thị trường của Hội đồng định giá của Tòa thành lập. Số tiền bà N cho vợ chồng anh chị để nhận chuyển nhượng nhà, đất tại XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định 700.000.000đ chứ không phải góp mua chung nên yêu cầu chia nhà làm 3 phần như anh L là không đúng. Hiện nay chị nuôi con nhỏ nên cần chỗ ở để ổn định cuộc sống.

- 01 sổ tiết kiệm số tiền 80.000.000đ hiện đứng tên chị tại Ngân hàng S là tài sản chung của vợ chồng. Trong khoản tiền tiết kiệm này có 52.000.000đ tiền ba anh L, Phạm Hà H giao để thờ cúng; chị đồng ý trả lại cho anh L khoản tiền 52.000.000đ còn lại 28.000.000đ tiền tiết kiệm chị đồng ý chia đôi.

- Vợ chồng có khoản tiền tiết kiệm 270.000.000đ. Vào ngày 17/11/2018 anh L tuyên bố cho cháu T nên chị có bỏ thêm tiền lãi và tiền để tiết kiệm vào thành 290.000.000đ đứng tên cháu T tại ngân hàng V. Ba mẹ đã cho con thì chị không thay đổi ý kiến một nửa của chị trong số tiền 290.000.000đ này là 145.000.000đ chị vẫn cho cháu T còn nửa còn lại nếu anh L đòi thì đòi cháu T chị không liên quan.

- Chị yêu cầu chia đôi 1.100 USD tương đương 25.300.000đ và 35.000.000đ mà anh L đang giữ.

- 01 xe máy hiệu Air Blade biển số 77X9-6562, 01 xe máy hiệu Sanda Boss biển số 77S8-3408 cả 02 xe này đứng tên anh Phạm Hữu L. Chị yêu cầu được nhận xe Air Blade biển số 77X9-6562; giao anh L xe máy hiệu Sanda Boss biển số 77S8-3408 ai nhận trị giá xe cao hơn thối lại cho người kia trị giá chênh lệch tài sản được nhận theo giá của Hội đồng định giá do Tòa thành lập.

Chị đồng ý với Biên bản định giá xe máy và nhà, đất tại XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định như Hội đồng định giá Tòa đã thành lập.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn,anh Phạm Hữu L trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Y về quan hệ hôn nhân anh chị là vợ chồng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 595/QĐST- HNGĐ ngày0 4/7/2019 của TAND Tp Q, tỉnh Bình Định. Về yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của chị Y, anh có ý kiến như sau:

- Nhà, đất tại XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định có phần góp của mẹ anh (bà Hồ Thị N) 800.000.000đ nên anh yêu cầu chia 3 phần (phần anh L, phần chị Y và phần bà N). Anh yêu cầu được nhận nhà và thanh toán lại cho chị Y và bà N mỗi người 1/3 giá trị tài sản chênh lệch được nhận theo giá thị trường do Hội đồng định giá của Tòa thành lập định giá. Hiện nay anh và bà N không còn chỗ ở nào khác.

- 01 sổ tiết kiệm số tiền 80.000.000đ hiện đứng tên chị Y tại Ngân hàng S là tài sản chung của vợ chồng. Anh yêu cầu chia đôi số tiền này.

- Đối với số tiền tiết kiệm 290.000.000đ anh xác định là tài sản chung của vợ chồng lâu nay chị Y đứng tên hiện nay chị Y tự ý sang tên ai thì anh không được biết. Khi xây nhà xong còn dư 90.000.000đ chị Y gửi tiết kiệm trong đó có 52.000.000đ tiền cúng giỗ do ba anh đưa nên nay anh yêu cầu chị Y trả lại 52.000.000đ tiền cúng giỗ mà ba anh, Phạm Hà H giao cho anh để thờ cúng còn lại 238.000.000đ chia đôi cho anh và chị Y. Còn việc cho con sau này anh tính.

- Anh nhất trí chia ½ số tiền 1.100USD tương đương 25.300.000đ và 35.000.000đ mà anh đang giữ.

- 01 xe máy hiệu Air Blade biển số 77X9-6562,01 xe máy hiệu Sanda Boss biển số 77S8-3408 cả 02 xe này đứng tên anh Phạm Hữu L. Anh đồng ý chị Y được nhận xe Air Blade biển số 77X9-6562; anh nhận xe máy hiệu Sanda Boss biển số 77S8-3408 ai nhận trị giá xe cao hơn thối lại cho người kia trị giá chênh lệch tài sản được nhận Hội đồng định giá Tòa đã thành lập.

Anh đồng ý với Biên bản định giá nhà,đất tại XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định như Hội đồng định giá Tòa đã thành lập.

Người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị N trình bày: Tiền thanh toán chuyển nhượng ngôi nhà XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định giá 1.050.000.000đ là của bà rút từ tiền tiết kiệm ngân hàng đưa cho anh L, chị Y. Sau đó chị Y, anh L có trả lại bà 250.000.000đ thông qua bà T, còn 800.000.000đ là phần bà góp vào để mua nhà. Bà ở chung với Y, L từ khi nhận chuyển nhượng nhà, đất tại XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định cho đến nay. Bà đồng ý phương án giải quyết nhà đất tại XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định như của anh L trình bày trên là nhà chia 3 phần, anh L

nhận nhà và thối lại cho chị Y, bà 1/3 trị giá nhà và đất theo giá Hội đồng định giá Tòa đã định giá.

Người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan chị Phạm Lê Xuân T trình bày: Hiện chị có đứng tên sổ tiết kiệm 290.000.000đ tại ngân hàng V. Nguồn gốc số tiền này là của ba mẹ chị (Y-L) cho chị quản lý, sử dụng. Nay anh L yêu cầu trả ½ số tiền này chị đồng ý.

Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số: 777/2020/HNGĐ-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34, khoản 1 Điều 37, khoản 2 khoản 5 Điều 59 luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vàoĐiều 166 Bộ luật Dân sự

Căn cứ vàokhoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng Dân sự

Căn cứ vào điểm b, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Xác định nhà và đất tại theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH 00034 ngày 28/7/2010 thửa đất số 113,tờ bản đồ số 3,địa chỉ XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định diện tích 51,0m^2 đứng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên Phạm Hữu L, Lê Thị Quang Y là tài sản chung của anh Phạm Hữu L, chị Lê Thị Quang Y.

2. Giao chị Lê Thị Quang Y sở hữu, sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 113,tờ bản đồ số 3, địa chỉ XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định diện tích 51,0m^2 sau khi thanh toán cho anh Phạm Hữu L ½ trị giá chênh lệch tài sản được nhận 1.633.373.000đ và thanh toán cho bà Hồ Thị N 700.000.000đ. Chị Lê Thị Quang Y có nghĩa vụ đăng ký quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất tại địa chỉ XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Xác định 80.000.000đ hiện đứng tên chị Lê Thị Quang Y đang quản lý là tài sản chung của chị Y, anh L:

4.1 Ghi nhận tự nguyện của chị Lê Thị Quang Y hoàn trả cho anh Phạm Hữu L 52.000.000đ tiền cúng giỗ.

4.2 Ghi nhận tự nguyện của chị Y chia giao lại cho anh L 14.000.000đ; phần chị Y được sở hữu, sử dụng 14.000.000đ

5. Xác định xe máy hiệu Air Blade biển số 77X9-6562,01 xe máy hiệu Sanda Boss biển số 77S8-3408 cả 02 xe này đứng tên anh Phạm Hữu L là tài sản chung của chị Y, anh L.Công nhận sự thỏa thuận của chị Y, anh L:

5.1 Giao xe máy hiệu AirBlade biển số 77X9-6562 (tên chủ xe Phạm Hữu L) cho chị Y sở hữu, sử dụng. Chị Y thanh toán lại cho anh L ½ giá trị chênh lệch tài sản được nhận là 5.000.000đ. Chị Y thực hiện việc đăng ký sở hữu xe ô tô trên theo đúng qui định pháp luật.

5.2.Giao xe máy hiệu Sanda Boss biển số 77S8-3408 (tên chủ xe Phạm Hữu L) cho anh Phạm Hữu L sở hữu, sử dụng. Anh L thanh toán lại cho chị Y ½ giá trị chênh lệch tài sản được nhận là 1.750.000đ.

6. Xác định sổ tiết kiệm 290.000.000đ tại ngân hàng V hiện đứng tên chị Phạm Lê Xuân T là tài sản chung của chị Lê Thị Quang Y và anh Phạm Hữu L.

6.1 Ghi nhận tự nguyện của chị Phạm Lê Xuân T giao lại cho anh Phạm Hữu L 145.000.000đ.

6.2 Chị Lê Thị Quang Y không có yêu cầu gì đối với khoản tiền tiết kiệm này nên Tòa không xét.

7. Bác lời nại của anh Phạm Hữu L và bà Hồ Thị N cho rằng số tiền 800.000.000đ của bà N là phần bà góp vào để mua nhà, đất này nên yêu cầu chia trị giá nhà, đất 3 phần (phần anh L, phần chị Y và phần bà N). Anh L yêu cầu được nhận hiện vật và thanh toán lại cho chị Y và bà N mỗi người 1/3 giá trị tài sản chênh lệch được nhận vì không có căn cứ.

8. Bác lời nại của anh Phạm Hữu L 52.000.000đ tiền cúng giỗ thuộc số tiền tiết kiệm 290.000.000đ vì không có căn cứ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí định giá, tuyên quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/9/2020 và ngày 14/9/2020, bị đơn anh Phạm Hữu L kháng cáo và kháng cáo bổ sung yêu cầu xác định tiền cúng giỗ 52.000.000đ nằm trong khoản tiền tiết kiệm 290.000.000đ chứ không phải trong khoản tiết kiệm 80.000.000đ; Yêu cầu chị Lê Thị Quang Y trả anh 119.000.000đ (290.000.000 – 52.000.000đ = 238.000.000đ) chứ không phải con gái anh là Phạm Lê Xuân T trả cho anh như quyết định của bản án sơ thẩm; Yêu cầu xem xét việc bà Hồ Thị N góp 800.000.000đ để mua nhà nên chia cho hợp tình, hợp lý; Yêu cầu được nhận nhà, đất tại XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định.

Ngày 03/9/20202 và ngày 14/9/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị N kháng cáo và kháng cáo bổ sung yêu cầu được nhận nhà, đất tại XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định vì bà đã góp 800.000.000đ để mua nhà làm nơi sinh sống, thờ cúng.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Hữu L bổ sung nội dung kháng cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị N bổ sung nội dung kháng cáo: Anh và bà N yêu cầu được nhận nhà và đồng ý thanh toán ½ giá trị nhà, đất cho chị Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng khác cũng như các bên đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo hợp lệ, thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, anh L, bà N yêu cầu được nhận nhà, đất và thanh toán cho chị Y ½ giá trị nhà, đất theo định giá. Xét thấy yêu cầu này của anh L, bà N phù hợp với điều kiện thực tế bà N, anh L muốn nhận nhà làm nơi thờ cúng, không có chỗ ở nào khác nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm, giao nhà, đất tại XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình cho anh L quản lý, sử dụng. Anh L có nghĩa vụ thanh toán lại ½ giá trị nhà, đất cho chị Y. Về kháng cáo số tiền cúng giỗ 52.000.000đ nằm trong khoản tiền tiết kiệm 290.000.000đ là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn anh Phạm Hữu L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị N trong hạn luật định, hình thức và nội dung đơn đúng quy định, anh L và bà N đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo và kháng cáo bổ sung của bị đơn anh Phạm Hữu L, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc nhà và đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH 00034 ngày 28/7/2010 thửa đất số 113, tờ bản đồ số 3, địa chỉ XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định diện tích 51,0m^2 đứng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên Phạm Hữu L, Lê Thị Quang Y là do anh L, chị Y nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn C và bà Hà Thị Mỹ H thông qua Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và

tài sản gắn liền với đất ngày 01/6/2010 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Bình Định. Anh Phạm Hữu L và bà Hồ Thị N cho rằng bà N đã góp 800.000.000đ vào việc nhận chuyển nhượng nhà, đất nhưng không có văn bản, chứng cứ nào thể hiện việc này. Chị Y thừa nhận bà N có cho chị và anh L 700.000.000đ để nhận chuyển nhượng nhà, đất nói trên. Cấp sơ thẩm xác định nhà, đất đang tranh chấp là tài sản chung của chị Y, anh L và nhận định anh L, chị Y có công sức đóng góp ngang nhau trong quá trình hình thành nên tài sản chung và căn cứ khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34 Luật Hôn nhân gia đình để chia đôi giá trị tài sản sau khi trả cho bà N 700.000.00đ là có căn cứ pháp luật. Hiện tại chị Y còn đang nuôi con chung Phạm Lê Xuân C nên cần ổn định về nơi ở và việc chia tài sản chung cần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, con chưa thành niên phù hợp với nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn theo khoản 5 Điều 59 luật Hôn nhân gia đình nên việc giao nhà, đất cho chị Y và chị Y có nghĩa vụ thanh toán cho bà N 700.000.000đ và thanh toán ½ giá trị nhà, đất còn lại cho anh L là phù hợp và có căn cứ, do đó không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Hữu L yêu cầu được nhận nhà, đất tại XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định.

[2.1] Đối với kháng cáo yêu cầu xác định tiền cúng giỗ 52.000.000đ nằm trong khoản tiền tiết kiệm 290.000.000đ chứ không phải trong khoản tiết kiệm 80.000.000đ; Yêu cầu chị Lê Thị Quang Y trả anh 119.000.000đ (290.000.000 – 52.000.000đ = 238.000.000đ) chứ không phải con gái anh là Phạm Lê Xuân T trả cho anh như quyết định của bản án sơ thẩm, thấy rằng: tại cấp sơ thẩm chị Y thừa nhận có khoản tiền cúng giỗ của gia đình anh L gởi là 52.000.000đ, chị Y là người trực tiếp quản lý số tiền này và gởi tiết kiệm vào khoản 80.000.000đ tại ngân hàng S, anh L không chứng minh được khoản tiền cúng giỗ 52.000.000đ này chị Y gửi tiết kiệm ở khoản nào. Do đó không có cơ sở để khẳng định khoản tiền 52.000.000đ nằm trong số tiền tiết kiệm 290.000.000đ. Theo chị Y trình bày số tiền tiết kiệm 290.000.000đ do anh L và chị Y đồng ý cho con chung Phạm Lê Xuân T và thực tế chị đã chuyển số tiền này cho chị T, tuy nhiên việc tặng cho này của anh, chị không lập văn bản, anh L không thừa nhận việc anh đồng ý tặng cho số tiền 290.000.000đ này cho chị T. Hiện tại, số tiền này chị T đã gửi tiết kiệm tại ngân hàng V đứng tên chị T. Chị T cũng thừa nhận số tiền này là tài sản chung của chị Y, anh L giao chị quản lý, sử dụng và chị cũng đồng ý trả lại ½ số tiền này là 145.000.000đ cho anh L. Do đó cấp sơ thẩm ghi nhận tự nguyện của chị Phạm Lê Xuân T giao lại cho anh Phạm Hữu L 145.000.000đ là có cơ sở. Do đó không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh L.

[3] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị N cho rằng bà đã góp 800.000.000đ để nhận chuyển nhượng nhà, đất này nên thuộc sở hữu

chung của bà, anh L, chị Y. Tại phiên tòa bà yêu cầu được nhận nhà, đất đang tranh chấp và đồng ý thanh toán ½ giá trị nhà, đất theo kết quả định giá cho chị Y. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà N cho rằng bà đã rút từ tiền tiết kiệm ngân hàng 1.050.000.000đ đưa cho anh L, chị Y để thực hiện việc nhận chuyển nhượng nhà, đất nói trên. Sau đó chị Y, anh L có trả lại bà 250.000.000đ thông qua bà T, còn 800.000.000đ là phần bà góp vào để mua nhà, đất này nên yêu cầu chia giá trị nhà, đất mỗi người (anh L,chị Y, bà N) được hưởng 1/3. Lời khai này bà N không được chị Y thừa nhận và bà N cũng không đưa ra được chứng cứ nào hợp pháp để chứng minh việc bà góp 800.000.000đ để nhận chuyển nhượng nhà, đất này nên thuộc sở hữu chung của bà, anh L, chị Y. Như nhận định tại mục **[2]** thì nhà, đất tại XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định là tài sản chung của anh Phạm Hữu L và chị Lê Thị Quang Y là do anh L, chị Yến nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn C và bà Hà Thị Mỹ H thông qua Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 01 tháng 06 năm 2010 tại Phòng công chứng số Y tỉnh Bình Định. Xét yêu cầu của bà N xin được nhận nhà để làm nơi thờ cúng thấy rằng: Bà N còn có người con trai lớn là anh trai của anh L hiện đang ở tại ngôi nhà số 135 đường H, Tp Q mà ngôi nhà này là của ông Phạm Hà H (chồng bà N) hiện ông H đã chết. Còn đối với chị Y đang nuôi con chung Phạm Lê Xuân C nên cần ổn định về nơi ở và việc chia tài sản chung cần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người đang trực tiếp nuôi con chưa thành niên phù hợp với nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng sau khi ly hôn theo khoản 5 Điều 59 luật Hôn nhân và gia đình nên việc giao nhà, đất cho chị Y và chị Y có nghĩa vụ thanh toán cho bà Năm 700.000.000đ là phù hợp, do đó yêu cầu của bà N xin được nhận nhà để làm nơi thờ cúng là không được chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Phạm Hữu L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị N. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Kháng cáo của anh Phạm Hữu L và bà Hồ Thị N không được chấp nhận nên anh Liêm phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm. Riêng bà Hồ Thị N là người cao tuổi nên nên được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm, phúc thẩm. Do đó trả lại cho bà N 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà N.

[6] Phát biểu của đại diện VKSND tỉnh Bình Định tại phiên tòa về việc tuân thủ theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng là có căn cứ. Riêng về quan điểm giải quyết vụ án là chưa phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34, khoản 1 Điều 37, khoản 2 khoản 5 Điều 59 luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Phạm Hữu L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị N. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 777/2020/HNGĐ-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Tuyên xử:

1. Xác định nhà và đất tại theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH 00034 ngày 28/7/2010 thửa đất số 113, tờ bản đồ số 3, địa chỉ XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định có diện tích 51,0m^2 đứng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên Phạm Hữu L, Lê Thị Quang Y là tài sản chung của anh Phạm Hữu L và chị Lê Thị Quang Y.

2. Giao chị Lê Thị Quang Y sở hữu, sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa đất số 113, tờ bản đồ số 3, địa chỉ XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định có diện tích 51,0m^2 sau khi thanh toán cho anh Phạm Hữu L ½ trị giá chênh lệch tài sản được nhận 1.633.373.000đ và thanh toán cho bà Hồ Thị N 700.000.000đ. Chị Lê Thị Quang Y có nghĩa vụ đăng ký quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất tại địa chỉ XX Trần Q. D, Tp Q, tỉnh Bình Định theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Xác định số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) hiện đứng tên chị Lê Thị Quang Y tại Ngân hàng S là tài sản chung của chị Y, anh L.

4.1. Ghi nhận tự nguyện của chị Lê Thị Quang Y hoàn trả cho anh Phạm Hữu L 52.000.000đ tiền cúng giỗ.

4.2. Ghi nhận tự nguyện của chị Y chia giao lại cho anh L 14.000.000đ; phần chị Y được sở hữu, sử dụng 14.000.000đ.

5. Xác định xe máy hiệu Air Blade biển số 77X9-6562,01 xe máy hiệu Sanda Boss biển số 77S8-3408 cả 02 xe này đứng tên anh Phạm Hữu L là tài sản chung của chị Y, anh L. Công nhận sự thỏa thuận của chị Y, anh L:

5.1.Giao xe máy hiệu AirBlade biển số 77X9-6562 (tên chủ xe Phạm Hữu L) cho chị Y sở hữu, sử dụng. Chị Y thanh toán lại cho anh L ½ giá trị chênh lệch tài sản được nhận là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Chị Y thực hiện việc đăng ký sở hữu xe ô tô trên theo đúng quy định pháp luật.

5.2.Giao xe máy hiệu Sanda Boss biển số 77S8-3408 (tên chủ xe Phạm Hữu L) cho anh Phạm Hữu L sở hữu, sử dụng. Anh L thanh toán lại cho chị Y ½ giá trị chênh lệch tài sản được nhận là 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

6. Xác định sổ tiết kiệm 290.000.000đ tại ngân hàng V hiện đứng tên chị Phạm Lê Xuân T là tài sản chung của chị Lê Thị Quang Y và anh Phạm Hữu L.

6.1 Ghi nhận tự nguyện của chị Phạm Lê Xuân Thủy giao lại cho anh Phạm Hữu L 145.000.000đ (Một trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

6.2 Chị Lê Thị Quang Y không có yêu cầu gì đối với khoản tiền tiết kiệm này nên Tòa không xét.

7. Bác lời nại của anh Phạm Hữu L và bà Hồ Thị N cho rằng bà N 800.000.000đ là phần bà góp vào để mua nhà, đất này nên yêu cầu chia trị giá nhà, đất 3 phần (phần anh L, phần chị Y và phần bà N). Anh L yêu cầu được nhận hiện vật và thanh toán lại cho chị Y và bà N mỗi người 1/3 giá trị tài sản chênh lệch được nhận vì không có căn cứ.

8. Bác lời nại của anh Phạm Hữu L về 52.000.000đ tiền cúng giỗ thuộc số tiền tiết kiệm 290.000.000đ vì không có căn cứ.

9. Chi phí định giá tài sản: Chị Lê Thị Quang Y phải chịu 1.500.000đ được trừ 3.000.000đ tạm ứng chi phí định giá chị Lê Thị Quang Y đã nộp xong.

Anh Phạm Hữu Liêm phải chịu 1.500.000đ nên anh Phạm Hữu L phải hoàn trả lại 1/2 chi phí định giá tài sản cho chị Y là 1.500.000đ.

10. Về án phí:

10.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lê Thị Quang Y phải chịu 71.501.000đ nhưng được trừ vào 21.000.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 0001768 ngày 02/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Bình Định và 1.975.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 0007781 ngày 29/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Bình Định nên chị Y còn phải nộp 48.526.000đ (Bốn mươi tám triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

- Anh Phạm Hữu L phải chịu 71.501.000đ (Bảy mươi mốt triệu năm trăm linh một ngàn đồng).

10.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

- Anh Phạm Hữu L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ anh L đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai nộp tiền số 0008485 ngày 18/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

- Hoàn trả cho bà Hồ Thị N 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai nộp tiền số 0008617 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

11. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

12. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

13. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Tp Q;
- TAND Tp Q;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nghĩa